TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/5/2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2018/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987;

Thường trú: Thôn M, xã N, huyện C, tỉnh H.

Tạm trú: 216/1, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Mạc Hồng S, sinh năm 1978;

Thường trú: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh H.

Tạm trú: 216/1, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Mạc Hồng S vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Mạc Hồng S tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2008 ngày 18/9/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống tại phường L, thị xã M, tỉnh Q nhưng do anh S đam mê chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, vì vậy đến tháng 11/2008 vợ chồng anh chị đã chuyển vào sống tại số 216/1 khu phố T, phường T, tỉnh B cho đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng từ năm 2012 anh S quay lại đam mê cờ bạc, tiếp tục vay mượn tiền của nhiều người dẫn đến nợ nần, chị M phải đứng ra vay mượn tiền để trả nợ thay cho anh S nhiều lần nhưng anh S vẫn không từ bỏ việc đam mê cờ bạc. Từ việc đam mê cờ bạc mà từ năm 2012 đến nay vợ chồng thường xảy ra nhiều cãi vả dẫn đến anh S thường xuyên đánh đập, hành hung chị M. Vì thương các con nên chị M cố nhịn và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị vẫn không thể hòa giải được.

Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M khai vợ chồng có hai con chung: Mạc Thị Minh U, sinh ngày 19/4/2009 và Mạc Hồng V, sinh ngày 18/3/2012. Chị Nguyễn Thị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Mạc Thị Minh U, đồng ý giao cho anh Mạc Hồng S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạc Hồng V. Sau khi ly hôn không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Mạc Hồng S đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh S không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số 216/1, khu phố

T, phường T, thị xã D, tỉnh B nhưng đã bán nhà chuyển đi nơi khác không thông báo cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cư trú nhằm che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện là chị Nguyễn Thị M nên Tòa án nhân dân thị xã D thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 và Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 24/5/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 09/5/2018 và ngày 25/5/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Mạc Hồng S tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2008 ngày 18/9/2008 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị M cho rằng từ năm 2008 anh S bắt đầu đam mê cờ bạc, vay tiền của nhiều người để đánh bạc dẫn đến nợ nần, chị M phải đứng ra vay tiền nhiều nơi để giải quyết trả nợ thay cho anh S nhiều lần nhưng anh S vẫn không từ bỏ việc đam mê cờ bạc. Từ năm 2012, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, anh S thường xuyên đánh đập, hành hung chị M. Do chị thương các con nên cố nhịn và mong muốn hàn gắn hòa giải mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện. Hiện nay anh S đã đưa 01 con (cháu Mạc Hồng V) về quê và không cùng sống chung với chị M tại địa chỉ đã đăng ký tạm trú.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh S đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh S đối với chị M đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc anh S bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị M cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị M và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị M.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Mạc Thị Minh U, sinh ngày 19/4/2009 và Mạc Hồng V, sinh ngày 18/3/2012. Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Mạc Thị Minh U đồng ý giao con chung Mạc Hồng V cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy theo trình bày của chị M tại bản tự khai ngày 03/3/2018 thì hiện nay

cháu Mạc Thị Minh U đang sống chung với chị M và cháu Mạc Hồng V đang sống chung với anh S và cũng không nhận được ý kiến phản ánh của chị M về việc anh S không đảm bảo tốt về mọi mặt trong việc chăm sóc các con chung. Tại bản tự khai ngày 13/3/2018, cháu Mạc Thị Minh U có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mạc Thị Minh U và đồng ý giao cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mạc Hồng V là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Mạc Hồng S.

2. Về con chung: Buộc anh Mạc Hồng S giao con chung cháu Mạc Thị Minh U, sinh ngày 19/4/2009 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc chị Nguyễn Thị M giao con chung tên Mạc Hồng V, sinh ngày 18/3/2012 cho anh Mạc Hồng S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị M và anh Mạc Hồng S không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Mạc Hồng S và chị Nguyễn Thị M đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh, chị lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc anh, chị nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018932, ngày 27/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND xã C, huyện K, tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Hạnh